

Số: 72/QĐ- CTHADS

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê chuẩn quyết toán NSNN tỉnh Thái Nguyên năm 2023.

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với Cục THADS tỉnh Thái Nguyên (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Vụ KHTC, Tổng cục THADS;
- Cổng thông tin điện tử của Cục (đăng tải);
- Lưu: VT.

CỤC TRƯỞNG



Bùi Huy Toàn



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 72/QĐ - CTHADS ngày 21/01/2025 của Cục trưởng Cục THADS tỉnh Thái Nguyên)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Văn phòng Cục
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	0	0		0
1	Lệ phí	0	0		
	Lệ phí đăng ký doanh nghiệp				
	Lệ phí cấp thẻ công chứng viên				
	Lệ phí khác (Thu nợ BĐG)				
2	Phí	0	0		0
	Phí thẩm định điều kiện hoạt động				
	Phí xét tuyển viên chức				
II	lại	0	0		0
1	Chi sự nghiệp	0	0		0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	0	0		0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		0
1	Lệ phí	0	0		
	Lệ phí đăng ký doanh nghiệp				
	Lệ phí cấp thẻ công chứng viên				
	Lệ phí khác (Thu nợ BĐG)				
2	Phí	0	0		0
	Phí thẩm định điều kiện hoạt động				
	Phí xét tuyển viên chức				
	Phí Công chứng				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	380	380	0	380
I	Nguồn ngân sách trong nước	380	380		380
1	Chi quản lý hành chính	380	380		380
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	380	380		380
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi hoạt động kinh tế	0	0		
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				